TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST
Ngày: 07 - 02 - 2023.
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hồng.

Bà Lê Thị Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2022/TLST-DS, ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/20022/QĐXXST - DS ngày 23/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS ngày 11/01/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lâm Thị X**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã Tân L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1. Ông **Võ Thành T**, sinh năm 1971 (có mặt).

2. Bà **Nguyễn Thị T** (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp L, xã Tân L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lâm Thị X trình bày**:

Do chổ quen biết nên bà có hỏi vay tiền dùm cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Võ Thành T để bà T trị bệnh và trả tiền vay Ngân hàng. Bà vay tiền cho vợ chồng bà T, ông T các lần vay cụ thể như sau: Ngày 26/02/2017 bà vay dùm số

tiền là 20.000.000 đồng, ngày 26/7/2017 vay dùm số tiền 10.000.000 đồng, ngày 03/11/2018 vay dùm số tiền 20.000.000 đồng, ngày 13/4/2019 vay dùm số tiền 30.000.000 đồng, ngày 25/9/2019 vay dùm số tiền 10.000.000 đồng, ngày 01/11/2019 vay dùm số tiền 13.000.000 đồng. Tổng số tiền vay cho vợ chồng bà T, ông T là 100.000.000 đồng lãi suất các bên thỏa thuận là 1,3%. Còn số tiền vay 3.000.000 đồng là tiền của bà nên không có tính lãi. Các lần vay đều không có làm biên nhận. Từ vay đến nay phía bà T chỉ trả được số tiền lãi là 8.000.000 đồng và từ ngày 25/4/2019 đến nay phía bà T không có trả nợ gốc hay lãi cho bà lần nào nữa. Bà có yêu cầu trả tiền nhiều lần nhưng phía bà T và ông T cứ hẹn mà không trả. Đến ngày 25/4/2020 thì phía ông T có đến nhà bà và hẹn sẽ trả nợ đồng thời làm tờ cam kết là 03 tháng trả 20.000.000 đồng, nếu trả đúng thì không tính lãi nhưng phía vợ chồng bà T và ông T vẫn không trả.

Nay bà Lâm Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn ông Võ Thành T và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả số tiền vay gốc là 103.000.000 đồng và tính lãi đối với số tiền 100.000.000 đồng theo mức lãi suất quy định của pháp luật kể từ ngày 25/7/2019 đến khi xét xử.

*** Theo tờ tường trình ngày 20/12/2022 và tại phiên phiên tòa bị đơn ông Võ Thành T trình bày**:

Giữa ông với bà Nguyễn Thị T là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống với nhau thì giữa ông với bà T tự quyết định mọi vấn đề riêng tư mà không có bàn bạc gì. Ông hằng ngày sống với nghề làm ruộng, mò tôm bắt cá để sống qua ngày. Còn bà T thì có khi ở nhà, có khi đi nhà ngoại, nhà dì hay đi đâu thì ông không quan tâm và ông cũng không có hỏi. Khi bà X đến nhà đòi nợ thì ông mới hay vợ ông có nợ tiền của bà X. Thực tế, vợ ông hỏi vay tiền của bà X không có đem về gia đình, còn sử dụng vào việc gì thì ông không biết. Ông cũng không biết vợ ông vay của bà X số tiền bao nhiêu. Hiện vợ ông đã bỏ nhà ra đi mà không biết đi đâu ông có liên lạc nhưng không được. Trước đây vợ ông có bị bệnh ung thư tử cung, đã điều trị xong. Vợ chồng ông cũng có vay tiền của Ngân hàng TMCP Đông Á hiện chưa trả xong do vay trả theo định kỳ. Ông thừa nhận chữ ký tên Võ Thành T trong tờ cam kết ngày 25/4/2020 là của ông. Khi ký tên vào tờ cam kết ông không có đọc lại, bà X kêu ký vào là để Nhà nước giảm miễn đóng lãi vay tiền Ngân hàng vài tháng do dịch Covid nên ông ký.

Nay đối với yêu cầu của bà X về việc yêu cầu ông và bà Nguyễn Thị T trả số tiền vốn là 103.000.000 đồng và tiền lãi 100.000.000 đồng thì ông không đồng ý. Do ông không vay tiền của bà X và việc vay nợ này ông hoàn toàn không hay biết.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong

hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền vay còn nợ. Đồng thời, các bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp L, xã Tân L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được HĐXX xác định là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo qui định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị T. Tòa án đã tống đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng phía bị đơn bà T vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn bà T.

- Về nội dung:

[3] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền vay còn nợ 103.000.000 đồng, bị đơn ông T không thừa nhận có vay và nợ tiền bà X, còn việc bà T vợ ông có vay hay không thì ông không biết nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn có cung cấp "Tờ cam kết, ngày 25/4/2020" có nội dung "*tôi tên Nguyễn Thị Trang, sinh năm 1977 cư ngụ ấp L, xã Tân L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Tôi có mượn của bà Lâm Thị X cư ngụ ấp L, xã Tân L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng số tiền 103.000.000 đồng vào ngày 25/7/2019 dương lịch với lãi suất 4%/tháng đến nay tôi chưa có tiền trả nợ gốc và lãi. Nay tôi cam kết sẽ trả nợ từ lần cho bà Lâm Thị X với thời gian 3 tháng trả một lần với số tiền là 20.000.000 đồng cho đến khi trả hết gốc và lãi phát sinh. Nếu tôi thực hiện đúng theo cam kết thì bà Lâm Thị X sẽ không tính lãi từ ngày 25/4/2020*". Ngoài ra, trong tờ cam kết có chữ ký của bị đơn ông Võ Thành T. Tại phiên tòa bị đơn ông Võ Thành T thừa nhận chữ ký và chữ viết đúng là của ông. Ông cho rằng bà X kêu ký vào là để Nhà nước giảm miễn đóng lãi vay tiền Ngân hàng vài tháng do dịch Covid nên ông ký mà không có đọc lại. Tuy nhiên, ông không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, đối với việc ông T cho rằng việc bà T vay tiền của bà X ông không hay biết là không có cơ sở. Từ đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn trả số tiền nợ vay còn thiếu 103.000.000 đồng là có cơ sở theo quy định tại Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với số tiền vay 100.000.000 đồng kể từ ngày 25/7/2019 đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Xét thấy, mặc dù các lần vay không có làm biên nhận. Tuy nhiên, theo tờ cam kết ngày 25/4/2020 thì các bên có thỏa thuận vay tiền vào ngày 25/7/2019 dương lịch với lãi suất 4%/tháng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền

vay 100.000.000 đồng kể từ ngày 25/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 469 của Bộ luật dân sự. Đối với mức lãi suất, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Xét thấy, do các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng vượt quá quy định, nên HĐXX xác định lại mức lãi suất là 20%/năm theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tiền lãi được tính cụ thể như sau: 03 năm 06 tháng 13 ngày (Từ ngày 25/7/2019 đến ngày 07/02/2023) x 100.000.000 đồng x 1,66% = 70.439.000 đồng (làm tròn). Tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận bị đơn đóng lãi được số tiền 8.000.0000 đồng nên cần trừ lại số tiền này là phù hợp. Do đó, số tiền lãi buộc các bị đơn trả cho nguyên đơn là 62.439.000 đồng.

[5] Đối với việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Võ Thành T có trách nhiệm cùng với bà T trả số tiền nợ. Xét thấy, nguyên đơn thừa nhận các lần vay là do bà T đứng ra hỏi và nhận tiền. Tuy nhiên, khi làm tờ cam kết ngày 25/4/2020 thì phía ông T có ký tên xác nhận. Đồng thời, việc bà T vay tiền là để trị bệnh và trả tiền ngân hàng. Ngoài ra, giữa bà T và ông T có quan hệ vợ chồng và số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Võ Thành T có trách nhiệm liên đới cùng với bà Nguyễn Thị T trả nợ là có cơ sở và phù hợp theo qui định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466, Điều 468 và Điều 4669 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị X.

1. Buộc các bị đơn ông Võ Thành T với bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Lâm Thị X tổng số tiền còn nợ là 165.439.000 đồng (*một trăm sáu mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn đồng*). Trong đó, nợ gốc là 103.000.000 đồng và tiền lãi là 62.439.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc các bị đơn Võ Thành T với bà Nguyễn Thị T cùng có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.271.950 đồng (*tám triệu hai trăm bảy mươi mốt ngàn chín trăm năm mươi đồng*).

Nguyên đơn bà Lâm Thị X không phải chịu án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 2.575.000 đồng (*hai triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006362 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh ST;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn